

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 134/2026/HS-ST

Ngày: 07-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Võ Quốc Việt.

2/ Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Hiếu, Ông Nguyễn Đình L – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 04 và 07 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 106/2026/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 117/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2026 các bị cáo:

1. Phạm Minh C (Chí P), sinh ngày 18/12/1996; tại tỉnh Vĩnh Long; Số CCCD: 083096014245; Nơi thường trú: Ấp H, xã M, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ N; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không

Tiền án: 04 tiền án

- Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HSST ngày 07/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long) xử phạt Phạm Minh C 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt ngày 17/10/2017).

- Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2018/HSST ngày 08/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long) xử phạt Phạm Minh C 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt ngày 01/12/2018).

- Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2021/HSST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Vĩnh Long) xử phạt Phạm Minh C 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2021/HSST ngày 07/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Vĩnh Long) xử phạt Phạm Minh C 01 năm 06 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Tổng hợp hình phạt của Bản án số 17/2021/HSST buộc chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 05 năm tù (chấp hành xong hình phạt ngày 12/4/2025).

Nhân thân:

- Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 17/4/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long) áp dụng Biện pháp đưa vào Trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng đối với Phạm Minh C về hành vi “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong năm 2009).

- Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 21/8/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long) áp dụng Biện pháp đưa vào Trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng đối với Phạm Minh C về hành vi “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong ngày 25/7/2011).

- Quyết định số 05/QĐ-XPHC ngày 20/01/2012 của Công an thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long) xử phạt Phạm Minh C hình thức “Cảnh cáo” về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2012/HSST ngày 27/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long) xử phạt Phạm Minh C 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” (đã xóa án tích);

- Bản án hình sự phúc thẩm số 65/2013/HSPT ngày 02/5/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long) xử phạt Phạm Minh C 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt ngày 05/11/2015, đã xóa án tích);

- Quyết định số 139/QĐ-XPHC ngày 17/10/2016 của Công an thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long) xử phạt Phạm Minh C số tiền 4.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” và “Sử dụng công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép” (chưa nộp phạt).

- Quyết định số 176/QĐ-XPHC ngày 01/10/2019 của Công an huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt Phạm Minh C số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy (đã nộp phạt).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/5/2026. Có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Duy K (Từng gà), sinh ngày 11/9/1986; tại tỉnh Vĩnh Long; Số CCCD: 083086018857; Nơi thường trú: Số A, khu phố D, phường B, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Hồng T và bà Trần Thị Ngọc L1; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án

- Bản án hình sự phúc thẩm số 44/2014/HSPT ngày 09/5/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long) xử phạt Võ Duy K 09 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Trốn khỏi nơi giam” (chấp hành xong hình phạt ngày 02/02/2021, nhưng chưa thi hành xong phần trách nhiệm dân sự).

Nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2005/HSST ngày 17/01/2005 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long) xử phạt Võ Duy K 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt ngày 31/8/2005, đã xóa án tích).

- Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2006/HSST ngày 06/06/2006 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long) xử phạt Võ Duy K 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt ngày 01/9/2007, đã xóa án tích).

- Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2009/HSST ngày 19/06/2009 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long) xử phạt Võ Duy K 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt ngày 20/01/2012, đã xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/02/2026. Có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Minh T1 (Bún Riêu), sinh ngày 01/6/1987; tại tỉnh Vĩnh Long; Số CCCD: 083087014967; Nơi thường trú: Số A, khu phố D, phường B, tỉnh

Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con Phạm Văn Bé B (chết) và bà Nguyễn Thị Ngọc D; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2006/HSST ngày 17/7/2006 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long) xử phạt Phạm Minh T1 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” (đã chấp hành xong Bản án ngày 30/11/2011, đã xóa án tích).

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/3/2026. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

+ Phạm Minh C, sinh ngày 18/12/1996; Số CCCD: 083096014245; ĐKTT: Ấp H, xã M, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

+ Võ Duy K, sinh ngày 11/9/1986; Số CCCD: 083086018857; ĐKTT: Số 173D. Khu phố D, phường B, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Võ Thị Anh T2, sinh năm 1993; Số CCCD: 083193008094; ĐKKT: Khu phố T, phường B, tỉnh Vĩnh Long; Chỗ ở: Số A, khu phố D, phường B, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

+ Nguyễn Văn N1, sinh năm 1952; Số CCCD: 083052006725; (Vắng mặt)

+ Trần Uyển Quế K1, sinh năm 1992; Số CCCD: 083192003907; (Có yêu cầu vắng mặt)

+ Nguyễn Khắc H1, sinh năm 1983; Số CCCD: 083083011479; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số C, khu phố C, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:*

+ Nguyễn Thái T3, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số A, khu phố D, phường B, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

+ Nguyễn Thị S, sinh năm 1957; Số CCCD: 083157006267; Địa chỉ: Số A, khu phố D, phường B, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 05 phút, ngày 03/8/2025, sau khi uống rượu ở khu vực Bờ kè phường M, tỉnh Đồng Tháp, Phạm Minh C đến nhà bạn của C tên Nguyễn Khắc H1 thuộc khu phố C, phường B, tỉnh Vĩnh Long. Chí vào phòng khách nhà của H1 ngồi chơi với H1. Lúc này, chị Võ Thị Anh T2 đang ở nhà của H1 để phụ chị Trần Uyển Quế K1 (vợ của H1) bán nước giải khát, chị T2 nghe C nói chuyện lớn tiếng sợ con của chị K1 thức giấc nên yêu cầu C nói chuyện nhỏ lại. Chí không đồng ý mà còn dùng tay chân đánh đá chị T2, thấy vậy, chị K1 can ngăn kéo chị T2 vào phòng ngủ của chị K1 trốn. Khi vào trong phòng ngủ của chị K1, T2 gọi điện thoại cho Võ Duy K (là người sống như vợ chồng với T2) nói “bị P đánh, lại nhà H1 chờ về”. C nghe T2 gọi điện thoại, C nghĩ T2 kêu người đến đánh C nên C lấy con dao trong phòng khách nhà của H1 xô cửa xông vào phòng chị K1 dọa đâm T2, chị K1 can ngăn nên C cầm dao đi ra ngoài. Ông Nguyễn Văn N1 là cha của H1 cũng vào can ngăn kêu C đi về. Chí không về mà đứng nói chuyện với ông N1 ở khu vực cổng vào khu Nhà trọ của ông N1.

Sau khi nghe điện thoại của T2, K nhờ Phạm Minh T1 lấy xe chở K đến nhà của H1 để tìm T2 xem bị ai đánh. Khi đi, K cầm theo một con dao có cán bằng kim loại dài khoảng 60 cm và một con dao cán bằng kim loại, lưỡi xếp vào cán (gọi tắt là dao cán xếp) cất trong túi quần. Tới cổng nhà H1, K đưa con dao có cán bằng kim loại cho T1 cầm rồi K đi vào bên trong. Khi thấy K đi vào, C hỏi “mày kiếm ai”, K trả lời “kiếm con T2”. Chí liền dùng con dao Thái Lan (lấy trong phòng khách nhà của H1) đang cầm trên tay đâm trúng hõ nách trái của K rồi C bỏ chạy vào khu vực sân Nhà trọ của ông N1. K chụp lấy con dao T1 đang cầm rượt theo chém C, T1 cũng chạy theo đánh C. Khi vào bên trong sân khu vực nhà trọ của ông N1, K cầm dao chém C, lưỡi dao trúng vào sào phơi quần áo, lưỡi dao gãy rơi xuống đất, K quăng bỏ cán dao. T1 nhặt cán dao của K vừa quăng bỏ chọi C, rồi cầm nón bảo hiểm xông vào đánh nhiều cái vào người C. C bị đánh té làm rơi con dao đã cầm đâm K trước đó. Sau khi chém C bị gãy dao, K lấy dao cán xếp trong túi quần ra tiếp tục đánh C và lượm vỏ chai bia chọi C, C chạy trốn vào phía sau nhà trọ. Lúc này, ông N1 chạy theo can ngăn nên K và T1 bỏ đi. Tuy nhiên K không đi luôn mà khi ra đến cổng nhà trọ, K quay trở vào tìm C đánh tiếp. Khi tìm được C, K và C ôm vật đánh nhau, K dùng dao cán xếp đâm, chém Chí nhiều nhát. Khi thấy C bị chảy máu nhiều, K sợ Chí chết nên dừng lại bỏ đi về.

Hiện trường vụ án xảy ra đầu tiên ở khu vực cổng Nhà của Nguyễn Khắc H1 hướng Tây tiếp giáp đường N, hướng Nam tiếp giáp tường nhà H1 và hướng

Bắc tường khu nhà trọ của ông Nguyễn Văn N1, hướng Đông tiếp giáp đường vào khu vực sân Nhà trọ của ông Nguyễn Văn N1 ở Số C, Khu phố C, phường B, tỉnh Vĩnh Long. Hiện trường K, T1 đánh Chì bên trong khu vực sân Nhà trọ của ông Nguyễn Văn N1 hướng Tây giáp với đường N, hướng Đông giáp với bãi đất trống, hướng Nam giáp với nhà ông Dương Quán K2, hướng Bắc giáp với nhà ông Nguyễn Văn N1 đang ở.

Cơ quan điều tra tạm giữ:

- 01 (một) con dao cán gỗ dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 13,6 cm, dao có một lưỡi sắc, nhọn về đầu mũi dao, nơi rộng nhất của lưỡi dao 2,8cm.

- 01 (một) nón bảo hiểm, màu đen;

- 01 (một) khẩu trang màu đen, bên trong có chữ NS-0081A;

- 01 (một) cán dao bằng kim loại màu đen, dài 20,5cm, đường kính 3,5cm;

- 01 (một) đầu vỏ chai bia và nhiều mảnh vỡ thủy tinh của vỏ chai bia màu nâu, dài 20cm, hiệu S;

- 01 (một) cái xẻng cán bằng gỗ, dài 1,4m, phần lưỡi có kích thước (26 x 24) cm, trên cán gỗ cách đầu trên 57cm;

- 01 (một) đĩa CD-R80MQ lưu trữ 03 (ba) tập tin File camera trích từ 03 (ba) camera lắp đặt trong khu Nhà trọ của ông Nguyễn Văn N1.

- Tạm giữ của Phạm Minh C:

- + 01 (một) cái áo thun tay ngắn, màu trắng kem trên nền vải áo có in nhiều chữ cái “B” và “C” bị rách đường cắt sắc gọn;

- + 01 (một) cái quần sọt vải thun, màu trắng kem, phần thun quần có luôn 01 (một) sợi dây vải màu trắng, trên nền vải quần có in nhiều chữ cái “B” và “C”;

- + 01 (một) cái quần lót nam giới màu đen, đã qua sử dụng.

- Tạm giữ của Võ Duy K: 01 (một) cái quần dài màu xám, không có nhãn hiệu, đã qua sử dụng.

Đối với lưỡi dao và con dao cán xếp sau khi gây án Võ Duy K đã vứt bỏ trên đường về nhà K, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống Số 249/KLTTCT-TTPYVL ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Trung tâm pháp y tỉnh V đối với Phạm Minh C:

1. Các kết quả chính:

- Sẹo trước tai (T) kích thước nhỏ. Tỷ lệ 03%;
- Sẹo góc hàm (T) kích thước nhỏ. Tỷ lệ 03%;
- Sẹo gò má (P) kích thước nhỏ. Tỷ lệ 03%;
- Sẹo cách mũi (P) kích thước nhỏ. Tỷ lệ 03%;
- Sẹo cổ (P) kích thước trung bình. Tỷ lệ 04%;
- Sẹo thái dương (P) kích thước trung bình. Tỷ lệ 02%;
- Sẹo thái dương (P) kích thước nhỏ. Tỷ lệ 01%;
- Sẹo 1/3 dưới cằm tay (P) kích thước trung bình. Tỷ lệ 02%;
- Sẹo cổ tay (P) kích thước nhỏ. Tỷ lệ 01%;
- Sẹo mặt sau 1/3 dưới cằm tay (P) kích thước nhỏ. Tỷ lệ 01%;
- Sẹo mặt trước 1/3 giữa cằm tay (P) kích thước nhỏ. Tỷ lệ 01%;
- Sẹo mặt trước 1/3 giữa cằm tay (T) kích thước trung bình. Tỷ lệ 02%;
- Sẹo mặt lưng ngón 2 tay (T) kích thước nhỏ. Tỷ lệ 01%;
- Sẹo mặt lưng ngón 3 tay (T) kích thước nhỏ. Tỷ lệ 01%;
- Tồn thương hoàn toàn thần kinh trụ (P) đoạn ngang vết thương 1/3 dưới cằm tay. Tỷ lệ 31%;
- Gãy xương trụ tay (P). Tỷ lệ 06%;

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Minh C tại thời điểm giám định là 51% (Năm mươi một phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

- Nếu không cấp cứu kịp thời thì từ các vết thương trên không dẫn đến tử vong.

Kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 431/KLTTCT-TTPYVL ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Trung tâm pháp y tỉnh V kết luận: Cơ chế hình thành các vết thương trên người của bị hại Phạm Minh C do vật sắt nhọn gây ra.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 190/KLTTCT-TTPYVL ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Trung tâm pháp y tỉnh V đối với Võ Duy K:

1. Các kết quả chính:

- Sẹo thành sau hố nách trái kích thước lớn: 03%;
- Sẹo cánh tay trái kích thước nhỏ: 01% ;
- Sẹo khuỷu tay trái kích thước nhỏ: 01%;
- Sẹo thái dương phải kích thước nhỏ: 03%;

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Võ Duy K tại thời điểm giám định là 08% (T4 phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc nhọn gây ra.

- Tình trạng thương tích nêu trên, không cấp cứu kịp thời có dẫn đến tử vong không: không thể xác định.

Kết luận giám định số 4722/KL-KTHS ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

Trên các mẫu kí hiệu số 01, 02 và con dao gửi giám định có máu người. Phân tích được kiểu gen của Phạm Minh C từ các mẫu máu trên.

Mẫu kí hiệu số 3 là máu người. Phân tích được kiểu gen nam giới hoàn chỉnh từ mẫu máu này, đủ điều kiện truy nguyên.

Lưu kiểu gen của Phạm Minh C và kiểu gen nam giới tại Phân Viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết luận giám định số 1169/KL-KTHS ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Kiểu gen của Võ Duy K trùng với kiểu gen của nam giới có trong Kết luận giám định số 4722/KL-KTHS ngày 12/11/2025 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết luận giám định số 6027/KL-KTHS ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ C1 kết luận: Mẫu vật gửi giám định thuộc

danh mục Dao có tính sát thương cao được quy định trong Thông tư 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ C1.

Kết luận giám định số 94/KL-KTHS-KV2 ngày 23 tháng 02 năm 2026 của Phòng K4 - Công an tỉnh V kết luận:

1. Qua giám định nội dung hình ảnh trong 03 (ba) tập tin video gửi giám định (ký hiệu A1, A2 và A3): Không phát hiện thấy dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa.

2. Nội dung yêu cầu giám định nêu tại mục III.2: Chi tiết được mô tả trong bản ảnh kèm theo kết luận giám định.

Cáo trạng số: 68/CT-VKSKV5 ngày 29/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long truy tố:

- Bị cáo Phạm Minh C về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm d khoản 2 (trường hợp thuộc điểm i khoản 1) Điều 134 và tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 304 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

- Bị cáo Võ Duy K về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 (trường hợp thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

- Bị cáo Phạm Minh T1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 (trường hợp thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Về tội danh:

+ Tuyên bố bị cáo Phạm Minh C phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”

+ Tuyên bố bị cáo Võ Duy K phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

+ Tuyên bố bị cáo Phạm Minh T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”

- Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm d khoản 2 (thuộc trường hợp điểm i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025: Xử phạt bị cáo Phạm Minh C từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

+ Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025: Xử phạt bị cáo Phạm Minh C từ 05 năm đến 06 năm tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

+ Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025: Buộc bị cáo Phạm Minh C chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội danh.

+ Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm e, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025: Xử phạt bị cáo Võ Duy K từ 06 năm đến 07 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

+ Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025: Xử phạt bị cáo Phạm Minh T1 từ 05 năm đến 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: Con dao cán gỗ, nón bảo hiểm, khẩu trang màu đen, cán dao bằng kim loại màu đen, đầu vỏ chai bia và nhiều mảnh vỡ thủy tinh của vỏ chai bia, cái xẻng cán bằng gỗ, quần áo đã thu giữ là hung khí gây án và trang phục của C, K mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Ghi nhận bị cáo Võ Duy K tác động Võ Thị Anh T2 (là người sống như vợ chồng với K) bồi thường cho Phạm Minh C một phần chi phí điều trị với số tiền 3.500.000 đồng.

+ Ghi nhận Võ Thị Anh T2 không yêu cầu K, T1 và C trả lại chi phí điều trị của Võ Duy K (do Võ Thị Anh T2 chỉ trả với) số tiền 19.500.000 đồng và số tiền 3.500.000 đồng của Võ Thị Anh T2 thay K bồi thường cho gia đình Phạm Minh C.

+ Ghi nhận Võ Duy K không yêu cầu Phạm Minh C bồi thường thiệt hại cho K.

+ Ghi nhận Phạm Minh C cũng không yêu cầu Võ Duy K, Phạm Minh T1 bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa, bị cáo C trình bày: Bị cáo C thừa nhận hành vi phạm tội cố ý gây thương tích cho Võ Duy K. Bị cáo C cho rằng chỉ cầm dao thái lan cán nhựa màu vàng quơ vào người K, không phải là con dao công an thu giữ tại hiện trường, bị cáo không sử dụng con dao có cán bằng gỗ như cáo trạng đã truy tố bị

cáo, nên bị cáo không phạm tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Các vết thương trên người của bị cáo C tại các vị trí cẳng tay và dưới cẳng tay phải có ba vết thương, trên đầu, má phải là do đánh nhau với người khác vào đêm ngày 02/8/2025 tại khu vực chân cầu R phía tỉnh Tiền Giang cũ. Bị cáo K và T1 có gây thương tích cho bị cáo nhưng ít và nhẹ hơn. Các lời khai ban đầu của bị cáo trước khi bị tạm giam là do bị cáo bị đánh và ép buộc khai.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Duy K, Phạm Minh T1 trình bày: Thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Tuy nhiên, do tại phiên tòa, qua nghe lời khai của bị cáo Phạm Minh C về việc các vết thương trên người của C không phải do K và T1 gây ra hoàn toàn nên đề nghị xem xét lại thương tích và tỷ lệ thương tật mà K và T1 đã gây ra cho C theo lời khai của C.

Lời nói sau cùng tại phiên tòa:

- Bị cáo C: Bị cáo không phạm tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo tội “Cố ý gây thương tích”.
- Bị cáo K: Bị cáo xin lỗi gia đình của bị cáo.
- Bị cáo T1: Bị cáo mẹ của bị cáo và xin được giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan người làm chứng vắng mặt đến lần thứ hai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy những người vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử, đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra nên tiếp tục xét xử và tiến hành công bố lời khai tại phiên tòa là phù hợp quy định tại Điều 292; 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo Phạm Minh C yêu cầu triệu tập người làm chứng là Lê Hữu N2 ở phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long) nhưng bị cáo không xác định rõ được địa chỉ, lai lịch cụ thể của người này. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để triệu tập theo yêu cầu của bị cáo.

Không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo C thừa nhận hành vi phạm tội cố ý gây thương tích cho Võ Duy K. Bị cáo C cho rằng chỉ cầm dao thái lan cán nhựa màu vàng quơ vào người K, không phải là con dao công an thu giữ tại hiện trường, bị cáo không sử dụng con dao có cán bằng gỗ như cáo trạng đã truy tố bị cáo, nên bị cáo không phạm tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Các vết thương trên người của bị cáo C tại các vị trí cẳng tay và dưới cẳng tay phải có ba vết thương, trên đầu, má phải là do đánh nhau với người khác vào đêm ngày 02/8/2025 tại khu vực chân cầu R phía tỉnh Tiền Giang cũ. Bị cáo K và T1 có gây thương tích cho bị cáo nhưng ít và nhẹ hơn. Các lời khai ban đầu của bị cáo trước khi bị tạm giam là do bị cáo bị đánh và ép buộc khai.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình điều tra, lời khai ban đầu của bị cáo tại đơn yêu cầu ngày 03/8/2025 (BL 349) bị cáo C nhờ người khác viết hộ có nội dung: “Vào sáng ngày 03/8/2026, em ruột của tôi bị nhiều người lạ mặt đánh gây thương tích nhiều nơi trên cơ thể đang điều trị tại bệnh viện N3. Do em tôi bị gãy tay không viết được nên nhờ viết hộ”; tại biên bản ghi lời khai ngày 3/8/2025 (BL 350), khi bị cáo C còn đang điều trị thương tích tại Bệnh viện N3, bị cáo C đã khai nhận là “tôi xác định thương tích của tôi là do Tùng G (tức bị cáo K) và R (tức bị cáo T1) gây ra bằng mã tấu và dao thái lan”, “khi đánh nhau tôi có cầm một con dao lấy từ nhà bếp của nhà anh Ấc Q (tức Nguyễn Khắc H1), con dao lưỡi bằng kim loại, cán bằng gỗ màu vàng”. Đây là lời khai của bị cáo C được ghi nhận ngay trong ngày xảy ra vụ án và được thực hiện tại Bệnh viện N3 nơi bị cáo C đang điều trị thương tích nên việc bị cáo cho rằng bị đánh để ép bị cáo khai là không có cơ sở.

Lời khai ban đầu của bị cáo C nêu trên phù hợp với lời khai của bị cáo K, bị cáo T1, phù hợp lời khai của bà Trần Uyển Quê K3, ông Nguyễn Văn N1, hình ảnh camera, các kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể:

- Tại phiên tòa, bị cáo xác định chỉ lấy và cầm 01 con dao tại nhà của ông Khắc H1 và bà Trần Uyển Quê K1 từ khi có mâu thuẫn với Võ Thị Anh T2 cho đến khi bị K và T1 rượt đánh. Chị Trần Uyển Quê K1 xác định nhìn thấy C cầm dao hăm dọa T2 là con dao dài khoảng 30cm, mũi nhọn, cán bằng gỗ màu vàng, con dao này do chị K1 mua dùng làm bếp tại nhà (BL 425). Con dao thu giữ được tại hiện trường vụ án là loại dao thái lan có cán bằng gỗ màu vàng giống với đặc điểm con dao mà chị K1 đã mô tả thấy C cầm khi đe dọa T2. Tại Kết luận giám định số 4722/KL-KTHS ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

+ Trên các mẫu kí hiệu số 01, 02 và con dao gửi giám định có máu người. Phân tích được kiểu gen của Phạm Minh C từ các mẫu máu trên.

+ Mẫu kí hiệu số 3 là máu người. Phân tích được kiểu gen nam giới hoàn chỉnh từ mẫu máu này, đủ điều kiện truy nguyên.

+ L2 kiểu gen của Phạm Minh C và kiểu gen nam giới tại Phân Viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết luận giám định số 1169/KL-KTHS ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Kiểu gen của Võ Duy K trùng với kiểu gen của nam giới có trong Kết luận giám định số 4722/KL-KTHS ngày 12/11/2025 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Văn N1 xác định “trước khi xảy ra vụ án, ông N1 đứng nói chuyện với C khoảng 10 phút, ông N1 đứng đối diện với C, nhìn thấy C mặc quần sọt, áo thun tay ngắn, biểu hiện của C là có nhậu rồi nhưng còn tỉnh, đi đứng bình thường, không có thương tích gì, không bị băng bó gì”. Ông Nguyễn Văn N1 cũng trình bày: “Sau khi đâm Tung gà thì Chí P bỏ chạy vào nhà khu trọ bình thường nếu bị gì thì không chạy được như vậy vì từ cổng rào vào nơi Chí P bị chém khoảng 60m” (BL 426).

- Biên bản xác minh tình tiết có liên quan theo lời trình bày của Phạm Minh C tại Công an xã K, tỉnh Đồng Tháp thể hiện tại khu vực chân cầu R thuộc ấp L, xã K, tỉnh Vĩnh Long không có thông tin gì vụ việc đâm chém như bị cáo C trình bày, công an xã K không có tiếp nhận vụ việc đâm chém nào vào thời gian và địa điểm như lời khai của bị cáo C (BL 386). Mặc khác, tại phiên tòa, bị cáo C xác định thuận tay phải và khi cầm dao quơ vào người K thì bị cáo C cũng đã cầm dao bằng tay phải. Theo giấy chứng nhận thương tích và Kết luận giám định về thương tích của Chí thể hiện vị trí 1/3 cẳng tay phải của bị cáo C có ba vết thương, vết thương 1/3 dưới cẳng tay làm tổn thương hoàn toàn thần kinh trụ phải, gãy xương trụ tay phải với tổng tỷ lệ thương tật là 41%. Nếu bị cáo C bị các vết thương ở tay phải với tình trạng thương tích như trên thì không thể sử dụng một cách bình thường tay phải để cầm nắm dao đe dọa T2 và đâm bị cáo K được. Nên việc bị cáo C xác định ba vết thương ở vị trí cẳng tay phải và các vết thương trên đầu, má phải là do bị đánh tại khu vực cầu R 2 gây ra là không hợp lý.

Căn cứ lời trình bày của ông N1, biên bản xác minh, giấy chứng nhận thương tích cùng với hình ảnh camera (đã được trình chiếu công khai tại phiên tòa) thể hiện trước khi bị K, T1 gây thương tích, bị cáo C hoàn toàn bình thường,

không biểu hiện đang bị thương tích do đánh nhau với người khác trước đó. Tại Kết luận giám định số 94/KL-KTHS-KV2 ngày 23 tháng 02 năm 2026 của Phòng K4 - Công an tỉnh V đã kết luận:

1. Qua giám định nội dung hình ảnh trong 03 (ba) tập tin video gửi giám định (ký hiệu A1, A2 và A3): Không phát hiện thấy dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa.

2. Nội dung yêu cầu giám định nêu tại mục III.2: Chi tiết được mô tả trong bản ảnh kèm theo kết luận giám định.

Từ những căn cứ nêu trên khẳng định được bị cáo C đã sử dụng con dao có đặc điểm dao cán gỗ dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 13,6 cm, dao có một lưỡi sắc, nhọn về đầu mũi dao, nơi rộng nhất của lưỡi dao 2,8cm được thu giữ tại hiện trường chính là con dao mà C đã dùng để đâm K gây ra vết thương ở hõ nách. Các vết thương trên người của C là do K và T1 gây ra.

Lời khai của Võ Duy K, Phạm Minh T1 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp lời khai ban đầu của Phạm Minh C, phù hợp lời khai người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả giám định, hình ảnh camera ghi nhận được và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập. Đối với đề nghị của bị cáo K và bị cáo T1 về việc xem xét lại thương tích và tỷ lệ thương tật mà K và T1 đã gây ra cho C theo lời khai của C do không phù hợp với các nhận định nêu trên nên không được chấp nhận

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng về diễn biến sự việc, lời khai nhận của các bị cáo kết hợp với diễn biến vụ việc được ghi nhận trong đoạn video trích xuất từ camera, các biên bản làm việc với các bị cáo và người làm chứng về việc nhận dạng hình ảnh trong đoạn video, các kết luận giám định thương tích, kết luận vật gây thương tích, giấy chứng nhận thương tích Hội đồng xét xử có căn cứ xác định:

Vào khoảng 06 giờ ngày 03/8/2025, tại khu vực cổng và khu vực sân nhà số C, khu phố C, phường B, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn N1 làm chủ, Phạm Minh C vô cớ dùng dao đâm, chém Võ Duy K gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 08% (Tám phần trăm). Bị cáo Võ Duy K và Phạm Minh T1 chỉ mới nghe Võ Thị Anh T2 điện thoại nói có người đánh T2, K và T1 đã chuẩn bị dao là hung khí nguy hiểm để tìm đánh lại. Sau khi Võ Duy K bị Phạm Minh C gây thương tích, Võ Duy K và Phạm Minh T1 đã cùng nhau dùng dao, cán dao bằng kim loại, nón bảo hiểm và vỏ chai bia đánh lại C gây thương tích cho C với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 51% (Năm mươi một phần trăm).

[3] Với bản tính côn đồ, Phạm Minh C vô cớ dùng dao theo kết luận giám định là loại dao sắc nhọn thuộc danh mục “Dao có tính sát thương cao” của Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C1 để gây thương tích cho Võ Duy K, thương tích 08% của K là do C gây ra. Mặc dù chỉ mới nghe Võ Thị Anh T2 điện thoại nói có người đánh T2, nhưng K và T1 đã chuẩn bị dao để tìm đánh lại. Sau khi bị Phạm Minh C gây thương tích, Võ Duy K và Phạm Minh T1 đã cùng nhau dùng dao chuẩn bị sẵn, cán dao bằng kim loại, nón bảo hiểm và vỏ chai bia được xác định là “hung khí nguy hiểm” để gây thương tích cho C, thương tích 51% (Năm mươi một phần trăm) của C là do K và T1 gây ra. Điều này thể hiện bản tính côn đồ xem thường pháp luật và sức khỏe của người khác nên các bị cáo C, K, T1 phải chịu tình tiết “có tính chất côn đồ”. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm sức khỏe của người khác. Hành vi sử dụng trái phép vũ khí quân dụng của bị cáo C đã xâm phạm đến việc quản lý, sản xuất, sử dụng vũ khí quân dụng của Nhà nước. Bị cáo C đã bị kết án 06 lần, trong đó có 04 lần chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm”. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định:

- Hành vi của bị cáo Phạm Minh C đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm d khoản 2 (trường hợp thuộc điểm i khoản 1) Điều 134 và tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 304 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

- Hành vi của bị cáo Võ Duy K đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 (trường hợp thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

- Hành vi của bị cáo Phạm Minh T1 đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 (trường hợp thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Cáo trạng truy tố và quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Trong vụ án này, Võ Duy K và Phạm Minh T1 cùng gây thương tích cho Phạm Minh C tỷ lệ tổn thương cơ thể là 51%, nên bị xử lý theo chế định đồng phạm. Nhưng đây là đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, cấu kết chặt chẽ. Võ Duy K và Phạm Minh T1 đều là người thực hành, trong đó K có vai trò tích cực hơn, cụ thể K đã dùng dao đâm, chém nhiều nhát vào người C, còn T1 dùng cán dao bằng kim loại, nón bảo hiểm chọi, đánh C gây thương tích.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phạm Minh C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong cả hai tội danh.

Bị cáo Võ Duy K có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và “Trốn khỏi nơi giam” chưa được xóa án tích; sau khi được ông Nguyễn Văn N1 can ngăn, K bỏ đi, nhưng sau đó quay lại tiếp tục đánh C nên thuộc trường hợp “Tái phạm” và “Cố ý thực hiện hành vi phạm tội đến cùng” quy định tại điểm e, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Bị cáo Phạm Minh T1 không có tình tiết tăng nặng.

[6] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025. Riêng bị cáo Võ Duy K tự nguyện tác động T2 bồi thường một phần thiệt hại cho C là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025. Đối với tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” không áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 cho bị cáo C.

[7] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi sử dụng trái phép vũ khí quân dụng của bị cáo Phạm Minh C đã xâm phạm đến việc quản lý, sản xuất, sử dụng vũ khí quân dụng của Nhà nước, là nguy hiểm cho xã hội, tiềm ẩn nguy cơ, điều kiện làm phát sinh các hành vi phạm tội khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Với mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng cùng với nhân thân xấu của các bị cáo nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung nên buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là phù hợp quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[8] Do bị cáo Phạm Minh C phạm hai tội danh trong lần xét xử này nên cần tổng hợp hình phạt để buộc bị cáo Chí chấp H2 hình phạt chung là phù hợp quy định Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo Võ Duy K tác động Võ Thị Anh T2 (là người sống như vợ chồng với K) bồi thường cho Phạm Minh C một phần chi phí điều trị với số tiền 3.500.000 đồng nên ghi nhận.

- Võ Thị Anh T2 không yêu cầu K, T1 và C trả lại chi phí điều trị của Võ Duy K (do Võ Thị Anh T2 chi trả với) số tiền 19.500.000 đồng và số tiền 3.500.000 đồng của Võ Thị Anh T2 thay K bồi thường cho Phạm Minh C nên ghi nhận.

- Bị cáo Võ Duy K không yêu cầu Phạm Minh C bồi thường thiệt hại nên ghi nhận.

- Bị cáo Phạm Minh C cũng không yêu cầu Võ Duy K, Phạm Minh T1 bồi thường thiệt hại nên ghi nhận.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 (một) con dao cán gỗ dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 13,6 cm, dao có một lưỡi sắc, nhọn về đầu mũi dao, nơi rộng nhất của lưỡi dao 2,8cm; 01 (một) nón bảo hiểm, màu đen; 01 (một) khẩu trang màu đen, bên trong có chữ NS-0081A; 01 (một) cán dao bằng kim loại màu đen, dài 20,5cm, đường kính 3,5cm; 01 (một) đầu vỏ chai bia và nhiều mảnh vỡ thủy tinh của vỏ chai bia màu nâu, dài 20cm, hiệu Sài Gòn; 01 (một) cái xẻng cán bằng gỗ, dài 1,4m, phần lưỡi có kích thước (26 x 24) cm, trên cán gỗ cách đầu trên 57cm là hung khí gây án và trang phục của C, K mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, hiện không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) đĩa CD-R80MQ lưu trữ 03 (ba) tập tin File camera ghi lại diễn biến vụ án được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[11] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[12] Đối với 02 con dao của Võ Duy K khai đã sử dụng đâm chém Phạm Minh C nhưng do không thu giữ được, không có cơ sở để trưng cầu giám định xác định dao do K sử dụng có thuộc danh mục “Dao có tính sát thương cao” ban hành kèm theo Thông tư 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C1 để xem xét xử lý Võ Duy K về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

[13] Việc Võ Thị Anh T2 điện thoại cho Võ Duy K nói rằng T2 bị C đánh nên kêu K đến rước T2 về, T2 không yêu cầu K đánh, đâm gây thương tích cho C. Việc K rủ Phạm Minh T1 cùng K gây thương tích cho Phạm Minh C là ý

thức chủ quan của K không thuộc ý muốn của T2 nên T2 không đồng phạm với K, T1 về tội “Cố ý gây thương tích”.

[14] Đối với Phạm Minh C dùng tay chân đánh đá Võ Thị Anh T2 nhưng chỉ gây ra thương tích nhẹ, T2 từ chối giám định và không yêu cầu xử lý Chí nên không xem xét xử lý hình sự đối với C về hành vi này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Minh C phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Tuyên bố bị cáo Võ Duy K và bị cáo Phạm Minh T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

[1] Căn cứ điểm d khoản 2 (thuộc trường hợp điểm i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025:

Xử phạt bị cáo Phạm Minh C **02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng** tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

[2] Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 304; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025:

Xử phạt bị cáo Phạm Minh C **06 (Sáu) năm** tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

[3] Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025:

Tổng hợp hình phạt của cả hai tội danh, buộc bị cáo Phạm Minh C chấp hành hình phạt chung là **08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/5/2026.

[4] Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm e, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025:

Xử phạt bị cáo Võ Duy K **06 (Sáu) năm** tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/02/2026.

[5] Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025:

Xử phạt bị cáo Phạm Minh T1 **05 (Năm) năm** tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/3/2026.

[6] Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025; các điều 584, 585, 586, 590 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận bị cáo Võ Duy K tác động Võ Thị Anh T2 (là người sống như vợ chồng với K) bồi thường cho Phạm Minh C một phần chi phí điều trị với số tiền 3.500.000 đồng.

- Ghi nhận Võ Thị Anh T2 không yêu cầu K, T1 và C trả lại chi phí điều trị của Võ Duy K (do Võ Thị Anh T2 chi trả) số tiền 19.500.000 đồng và số tiền 3.500.000 đồng của Võ Thị Anh T2 thay K bồi thường cho gia đình Phạm Minh C.

- Ghi nhận Võ Duy K không yêu cầu Phạm Minh C bồi thường thiệt hại cho K.

- Ghi nhận Phạm Minh C cũng không yêu cầu Võ Duy K, Phạm Minh T1 bồi thường thiệt hại.

[4] Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao cán gỗ dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 13,6 cm, dao có một lưỡi sắc, nhọn về đầu mũi dao, nơi rộng nhất của lưỡi dao 2,8cm; 01 (một) nón bảo hiểm, màu đen; 01 (một) khẩu trang màu đen, bên trong có chữ NS-0081A; 01 (một) cán dao bằng kim loại màu đen, dài 20,5cm, đường kính 3,5cm; 01 (một) đầu vỏ chai bia và nhiều mảnh vỡ thủy tinh của vỏ chai bia màu nâu, dài 20cm, hiệu Sài Gòn; 01 (một) cái xẻng cán bằng gỗ, dài 1,4m, phần lưỡi có kích thước (26 x 24) cm, trên cán gỗ cách đầu trên 57cm.

- Lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 (một) đĩa CD-R80MQ lưu trữ 03 (ba) tập tin File camera ghi lại diễn biến vụ án.

Vật chứng hiện nay Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh V đang quản lý

[5] Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí hình sự sơ thẩm:

+ Buộc bị cáo Phạm Minh C phải chịu là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

+ Buộc bị cáo Võ Duy K phải chịu là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

+ Buộc bị cáo Phạm Minh T1 phải chịu là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng

[6] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- STP tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND khu vực 5-Vĩnh Long (1b);
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Mỏ Cày, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Những người tham gia tố tụng (7b);
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền